

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

(Assessment Methods - AMs)

Tại Khoa Quản trị nhân lực, đánh giá sinh viên về quá trình học tập được dựa trên quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của trường Đại học Thương mại. Theo các quy định này, kết quả học tập của sinh viên ngành Quản trị nhân lực không chỉ được đánh giá liên tục trong suốt học kỳ mà còn được đánh giá qua năm học và toàn bộ chương trình. Trong mỗi niên khóa, lớp học, sinh viên được tính từ đánh giá liên tục và đánh giá tổng kết. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và mang tính quá trình. Các yêu cầu và tiêu chí cụ thể được thiết kế và ban hành bởi Khoa và Nhà trường để tạo hiểu biết cho sinh viên trước khi học.

Ngành Quản trị nhân lực đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá kết quả học tập sinh viên khác nhau. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá kỹ năng và thái độ được thể hiện rõ ràng trong PLOs. Các phương pháp đánh giá bao gồm: Đánh giá chuyên cần (AM1)/Bài kiểm tra tự luận (AM2)/Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3)/Thảo luận (AM4)/Thi trắc nghiệm (AM5)/Thi tự luận (AM6)/Thi thực hành (AM9)/Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7)/Khóa luận tốt nghiệp (AM8). Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được lựa chọn phù hợp với chuẩn đầu ra và phương pháp dạy - học trong mỗi học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, thông tin đầy đủ đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng để đánh giá sự phát triển của sinh viên và quá trình học tập cũng như hiệu quả của quá trình giảng dạy. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập, cũng như tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Từ năm 2019, Khoa và nhà trường đã phát triển một hệ thống mẫu phiếu đánh giá chung (rubric) để đánh giá thống nhất và chính xác hơn mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của từng học phần (Course Learning Outcomes - CLOs) cho từng PLO của CTĐT. Các phương pháp và các công cụ đánh giá được xây dựng tương ứng và tương thích chặt chẽ với PLO. Các công cụ đánh giá, đặc biệt là phiếu đánh giá - rubric đã được sử dụng trong hầu hết các học phần trong CTĐT để đo lường mức độ đạt được CLOs, phản ánh rõ ràng đóng góp vào các PLOs của chương trình (xem phụ lục 3, 4).

Ngoài việc triển khai hệ thống hóa hệ thống phiếu đánh giá để đo lường kết quả học tập và kỹ năng của sinh viên, Khoa và nhà trường cũng đã xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần, trong đó cấu trúc ngân hàng kiểm tra (định dạng kiểm tra cuối kỳ) chỉ ra cụ thể số lượng câu hỏi, mức độ khó của từng câu hỏi và tỷ lệ điểm của từng câu hỏi trong bài kiểm tra, cũng như các liên kết giữa nội dung đánh giá với CLOs (xem Bảng 1; Bảng 2).

Bảng 1: Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá kết quả học tập

PLO	Phương pháp đánh giá (AM)	Công cụ
Nhóm PLO kiến thức		
PLO1	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO2	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO3	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Thảo luận (AM4) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO4	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Thảo luận (AM4) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp

		Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO5	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO6	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO7	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
Nhóm PLO kỹ năng		
PLO8	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp

	Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO9	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO10	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO11	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO12	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp

	Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO13	Sử dụng được tiếng Anh	Chứng chỉ tiếng Anh theo quy định
PLO14	Sử dụng được các phần mềm máy tính	Hoàn thành bài kiểm tra kỹ năng công nghệ thông tin
Nhóm PLO thái độ		
PLO15	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO16	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO17	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
Nhóm PLO năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO18	Đánh giá chuyên cần (AM1)	Rubric điểm chuyên cần

	Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO19	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Bài kiểm tra trắc nghiệm (AM3) Thảo luận (AM4) Thi trắc nghiệm (AM5) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO20	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Thảo luận (AM4) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO21	Đánh giá chuyên cần (AM1) Bài kiểm tra tự luận (AM2) Thảo luận (AM4) Thi tự luận (AM6) Báo cáo thực tập tổng hợp (AM7) Khóa luận tốt nghiệp (AM8)	Rubric điểm chuyên cần Ngân hàng câu hỏi ôn tập Đề thi Đáp án đề thi Rubric đổi mới phương pháp Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO sức khỏe		
PLO22	Sức khỏe đạt yêu cầu	Kiểm tra sức khỏe

Bảng 2: Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy - học (TLMs), phương pháp đánh giá kết quả học tập (AMs) theo các học phần ở từng khối kiến thức

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Khối kiến thức giáo dục đại cương	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			Phương pháp dạy và học (TLMs)	Phương pháp đánh giá kết quả học tập (AMs)
		Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức ngành, chuyên ngành	Kiến thức bổ trợ		
PLO1	MLNP0221 HCMIO121 HCMIO111 RLCP1211 HCMIO131 TLAW0111 AMAT1011 SCRE0111 ENTIO111 RLCP0421 FECO1521				TLM1	AM1
					TLM2	AM2
					TLM3	AM3
					TLM5	AM4
					TLM6	AM5
					TLM7	AM6
					TLM8	AM7
					TLM12	AM8
					TLM13	
					TLM15	
					TLM16	
					TLM17	
					TLM18	
					PLO2	FECO1521
TLM2	AM2					
TLM3	AM3					
TLM5	AM4					
TLM6	AM5					
TLM7	AM6					
TLM8	AM7					
TLM9	AM8					
TLM11						
TLM12						
TLM13						

		PCOM0111			TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	
PLO3		BLAW1711 ENEC1311 HRMG0511 TEMG2911 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211		HRMG2011 SMGM0111	TLM1 TLM2 TLM3 TLM5 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM3 AM4 AM6 AM7 AM8
PLO4			HRMG1311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411		TLM1 TLM2 TLM3 TLM5 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM11	AM1 AM3 AM4 AM6 AM7 AM8

					TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	
PLO5	SCRE0111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011 ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM2 TLM3 TLM5 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO6		CEMG3111	HRMG2211 CEMG2431	FECO1921 FMGM0231	TLM1 TLM2	AM1 AM2

			CEMG2911 BRMG2011		TLM3 TLM5 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO7		CEMG3111	HRMG2211 CEMG2431 CEMG2911 BRMG2011	FECO1921 FMGM0231	TLM1 TLM14 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO8		ENEC1211	HRMG0511 HRMG1311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811		TLM1 TLM3 TLM5 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7

			ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411		TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM8
PLO9		CEMG3111	HRMG0511 HRMG1311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 HRMG2211 CEMG2911 BRMG2011	FECO1921 FMGM0231	TLM1 TLM3 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO10	SCRE0111	BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011 ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM10 TLM12	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8

		BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111		TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	
PLO11	MLNP0221 HCMIO121 HCMIO111 RLCP1211 HCMIO131 TLAW0111 ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011 ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO12	MLNP0221	MIEC0111	HRMG0311	SMGM0111	TLM1	AM1

	HCMI0121 HCMI0111 RLCP1211 HCMI0131 TLAW0111 ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011 ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111	HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM3 TLM5 TLM6 TLM7 TLM8 TLM9 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO13	ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011 ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM5 TLM6 TLM7 TLM8 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8

		CEMG3111 BMGM1021	CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111		TLM17 TLM18	
PLO14	FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011 ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM6 TLM7 TLM8 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO15	MLNP0221 HCMIO121 HCMIO111 RLCP1211 HCMIO131 TLAW0111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM4 TLM7 TLM8	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5

	ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111		TLM10 TLM12 TLM13 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM6 AM7 AM8
PLO16	MLNP0221 HCMIO121 HCMIO111 RLCP1211 HCMIO131 TLAW0111 ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTI1011 ENTI1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8

			BRMG2011 INFO2111			
PLO17	MLNP0221 HCMIO121 HCMIO111 RLCP1211 HCMIO131 TLAW0111 ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTIO111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTIO111 ENTIO112 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO18	MLNP0221 HCMIO121 HCMIO111 RLCP1211 HCMIO131 TLAW0111 ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTIO111 ENTIO112 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM7 TLM8 TLM9 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8

	SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111		TLM16 TLM17 TLM18	
PLO19	MLNP0221 HCMIO121 HCMIO111 RLCP1211 HCMIO131 TLAW0111 ENTH3011 ENTH3111 ENTH5611 AMAT1011 FECO1521 SCRE0111 RLCP0421 ENTI0111	MIEC0111 BMGM0111 ENEC1011 CEMG0111 TMKT2311 ENTH1011 ENTH1012 MAEC0111 BMKT3421 BMKT0111 PCOM0111 CEMG2711 FECO2031 ENEC1211 CEMG3111 BMGM1021	HRMG0311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 TEMG2911 ECIT0311 ITOM1811 QMGM0811 ENEC1211 CEMG2431 CEMG3111 HRMG2211 FECO1921 CEMG2911 BRMG2011 INFO2111	SMGM0111 HRMG2011 FMGM0231 FECO1921 TECO2031 ECIT2221	TLM1 TLM3 TLM7 TLM8 TLM9 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM2 AM3 AM4 AM5 AM6 AM7 AM8
PLO20			HRMG0511 HRMG1311 TSMG1411		TLM1 TLM3 TLM7	AM1 AM3 AM4

			HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 ENEC1211		TLM8 TLM9 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM6 AM7 AM8
PLO21			HRMG0511 HRMG1311 TSMG1411 HRMG0611 HRMG1411 ENEC0212 HRMG0811 ENEC0312 HRMG2111 ENEC1411 ENEC1211		TLM1 TLM3 TLM5 TLM7 TLM8 TLM9 TLM10 TLM12 TLM13 TLM14 TLM15 TLM16 TLM17 TLM18	AM1 AM3 AM4 AM6 AM7 AM8
PLO22	GDTC0721 GDTC0621 GDTC0521 GDTC1621 GDTC1721 GDTC1821				TLM1 TLM12 TLM14	AM1 AM2 AM9

Trường Đại học Thương mại sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

Bảng 3: Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Thương mại

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	8,5 ÷ 10	A	4
	Khá	8,0 ÷ 8,4	B ⁺	3,5
		7,0 ÷ 7,9	B	3
	Trung bình	6,5 ÷ 6,9	C ⁺	2,5
		5,5 ÷ 6,4	C	2,0
Trung bình yếu	4,0 ÷ 5,4	D	1	
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và điểm tổng kết quả học tập toàn khóa của sinh viên.

(1) Phương thức kiểm tra/đánh giá

a. Đối với các học phần lý thuyết và thực hành

Điểm học phần được tổng hợp từ các điểm thành phần với trọng số được quy định như sau:

Bảng 4: Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra học phần (CLOs) với phương thức đánh giá

STT	Điểm thành phần	Trọng số	Chuẩn đầu ra của học phần					...
			CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	
1	Điểm chuyên cần	0,1	X	X	X	X	X	...
2	Điểm thực hành/Điểm kiểm tra thường xuyên	0,3	X	X	X	X	X	...
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	X	X	X	X	X	...

* Điểm chuyên cần, trọng số: 10 %

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức học tập của sinh viên trên lớp góp phần nắm bắt được thông tin phản hồi để điều chỉnh thái độ học tập phù hợp.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Điểm chuyên cần được chấm căn cứ vào ý thức học tập trên lớp và số tiết vắng mặt của sinh viên theo các mức sau:

Vắng mặt trên lớp từ 0 -10% số tiết quy định của học phần: 8 - 10 điểm

Vắng mặt trên lớp từ trên 10 - 20% số tiết quy định của học phần: 5-7,9 điểm

Vắng mặt trên lớp từ trên 20 - 30% số tiết quy định của học phần: 3-4,9 điểm

Vắng mặt trên lớp từ trên 30 - 40% số tiết quy định của học phần: 0,5-2,9 điểm

Vắng mặt trên 40% số tiết quy định của học phần: 0 điểm

+ Nếu sinh viên bị khiển trách 2 lần (do vào lớp muộn đến 15 phút) hoặc bị cảnh cáo 1 lần (do vào lớp muộn quá 15 phút), nói chuyện riêng gây mất trật tự, ngủ, viết bậy, không tuân thủ điều hành của giáo viên sẽ hạ một bậc; nếu bị đình chỉ học tập buổi học 1 lần sẽ hạ 2 bậc. Một bậc điểm chuyên cần ứng với từ 1 đến 2 điểm, do giảng viên quyết định căn cứ tính chất vi phạm và thái độ của sinh viên.

+ Trường hợp sinh viên tự học có sự hướng dẫn, điểm chuyên cần được đánh giá thông qua việc chấp hành đúng kỳ hạn, đúng nhiệm vụ đề ra trong quy định của học phần và quy định của bộ môn.

- Hình thức kiểm tra: Điểm danh số giờ dự giảng và ý thức tham dự lớp học phần (Rubric đánh giá điểm chuyên cần xem Phụ lục 3)

** Điểm thực hành/Điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số: 30 %*

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ, tính tự chủ tự chịu trách nhiệm thu được trong suốt quá trình học tập, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học.

- Các tiêu chí đánh giá: Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ học tập rõ ràng, hợp lý; Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, học tập...

- Hình thức kiểm tra: Bài kiểm tra tự luận/ Bài kiểm tra trắc nghiệm

- Hình thức đánh giá: Tích hợp từ các điểm bộ phận gồm: điểm kiểm tra giữa học phần; điểm đổi mới phương pháp học tập; điểm tiểu luận (nếu có).

+ Điểm kiểm tra giữa học phần: Số lượng bài kiểm tra giữa học phần theo quy định: học phần 1- 2 TC có từ 1 đến 2 bài kiểm tra; Học phần ≥ 3 TC: có từ 2 đến 3 bài kiểm tra. Các bài kiểm tra tùy hình thức có thời gian thực hiện từ 15 - 20 phút đối với bài trắc nghiệm và 45 phút đối với bài tự luận, được chấm như điểm toàn bài thi kết thúc học phần. Việc ra đề kiểm tra và chấm điểm bài kiểm tra do giảng viên phụ

trách học phần đảm nhiệm dưới sự kiểm tra, giám sát của Trưởng bộ môn/Trưởng học phần và đảm bảo yêu cầu theo quy định.

+ Điểm đổi mới phương pháp học tập:

Giảng viên đánh giá và chấm điểm chung cho cả nhóm (điểm trung bình):

$$\text{Điểm trung bình của nhóm} = \frac{\text{Điểm bài báo cáo của nhóm} \times 2 + \text{Điểm trình bày, bảo vệ của nhóm} \text{ hoặc } \text{Điểm nhận xét, nêu câu hỏi phản biện của nhóm}}{3} + \text{Điểm thưởng (nếu có)}$$

Giảng viên tính điểm thưởng cho nhóm có tổ chức sinh hoạt nhóm đúng yêu cầu chất lượng và cho các sinh viên tham gia tích cực giờ thảo luận nhóm theo hướng dẫn của giảng viên.

Nhóm thảo luận tổ chức họp để bình xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ và đóng góp vào kết quả chung của nhóm, và việc chấp hành sinh hoạt nhóm của từng thành viên, từ đó lập danh sách xếp loại các thành viên nhóm theo 3 mức, làm cơ sở để giảng viên tham khảo khi cho điểm từng sinh viên: Mức 1 (loại A) - Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm; Mức 2 (loại B) - Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm; Mức 3 (loại C) - Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm. Trường hợp không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm, yêu cầu nhóm trưởng báo cáo giảng viên xử lý theo quy chế cho 0 điểm đổi mới phương pháp học tập.

Giảng viên xem xét chấm điểm đổi mới phương pháp học tập cho từng sinh viên theo nguyên tắc như chấm điểm toàn bài thi kết thúc học phần (Rubric đánh giá điểm đổi mới phương pháp học tập xem Phụ lục 4).

** Điểm thi kết thúc học phần, trọng số: 60 %*

- Mục đích: Đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức và các kỹ năng thu được từ học phần của sinh viên; làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên trong cả CTĐT.

- Các tiêu chí đánh giá: Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ học tập rõ ràng, hợp lý; thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, học tập; trình bày rõ ràng, logic vấn đề đặt ra cần giải quyết; ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ...

- Hình thức: Thi tự luận/thi trắc nghiệm (trên giấy hoặc trên máy tính)/thi kết hợp tự luận và trắc nghiệm.

b. Đối với các học phần thực hành

Điểm học phần được tổng hợp từ hai điểm thành phần: Điểm chuyên cần và đổi mới phương pháp học tập, với trọng số là 0,4; Điểm trung bình các bài thực hành, trọng số 0,6.

Điểm chuyên cần và điểm đổi mới phương pháp học tập được chấm theo quy định, sau đó xác định điểm thành phần thứ nhất bằng số trung bình cộng của chúng.

Điểm trung bình các bài thực hành được xác định bằng số trung bình cộng của điểm tất cả các bài thực hành trong chương trình.

c. Đối với thực tập nghề nghiệp

- Báo cáo thực tập tổng hợp do 2 giảng viên chấm (theo thang điểm 10) theo sự phân công của khoa và bộ môn. Các quy định về điểm chấm và xử lý kết quả của 2 giảng viên chấm theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường (*Rubric đánh giá điểm Báo cáo thực tập tổng hợp CTĐT xem Phụ lục 5*).

- Báo cáo thực tập tổng hợp được tính tương đương bằng 1 học phần **3** tín chỉ. Sinh viên có báo cáo thực tập tổng hợp không đạt (dưới điểm 4) phải làm lại đến khi đạt mới được giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên có báo cáo thực tập không đạt hoặc đạt mức D, D⁺ có nhu cầu cải thiện điểm phải làm đơn nộp cho Khoa quản lý. Khoa quản lý lập danh sách và gửi cho Phòng Quản lý Đào tạo theo thời gian quy định.

d. Đối với khóa luận tốt nghiệp

- Mỗi khóa luận tốt nghiệp được 2 giảng viên chấm độc lập theo thang điểm 10 (trong đó có giảng viên hướng dẫn và một giảng viên khác có thâm niên ít nhất 5 năm công tác theo phê duyệt của Trường khoa trên cơ sở danh sách giảng viên chấm khóa luận tại Quyết định giao nhiệm vụ chấm khóa luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định); các quy định về điểm chấm và xử lý kết quả của 2 giảng viên chấm theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường (*Rubric đánh giá Khóa luận tốt nghiệp xem Phụ lục 6*).

- Khóa luận tốt nghiệp được tính tương đương bằng 1 học phần **7** tín chỉ. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp không đạt (dưới điểm 4) hoặc đạt mức D, D⁺ có nhu cầu cải thiện điểm phải làm lại vào đợt thực tập tiếp theo. Sinh viên có nhu cầu làm lại khóa luận tốt nghiệp để cải thiện điểm phải thay đổi tên đề tài khóa luận theo một trong các hướng đề tài đã đề xuất ở báo cáo thực tập tổng hợp.

(2) Cách tính điểm học phần

Sinh viên chỉ được tính điểm học phần nếu không vi phạm điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Điểm học phần được tính theo công thức sau:

$$Đhp = \sum ĐiKi$$

Trong đó:

Đhp: Điểm học phần, chấm chính xác đến 1 chữ số thập phân.

Đi : Điểm thành phần i

Ki : Trọng số điểm thành phần i

TRƯỞNG KHOA QUẢN TRỊ NHÂN LỰC



PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Nhân

PHỤ LỤC 1
MÔ TẢ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SỬ DỤNG TRONG CTĐT

STT	Phương pháp đánh giá	Mã hóa	Mô tả
1	Đánh giá chuyên cần	AM1	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên, những đóng góp của sinh viên trong khóa học như phát biểu ý kiến, tranh luận cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với nội dung học phần
2	Kiểm tra tự luận	AM2	Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập trong ngân hàng câu hỏi ôn tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
3	Kiểm tra trắc nghiệm	AM3	Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra tự luận, trong đó sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi có liên quan dựa trên các câu hỏi và các đáp án có sẵn được thiết kế theo mẫu.
4	Thảo luận	AM4	Hình thức thảo luận được sử dụng phổ biến trong chương trình giảng dạy Quản trị nhân lực. Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, tình huống hoặc bài tập liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác cũng như trả lời các câu hỏi tranh luận, phản biện. Hoạt động này không chỉ giúp sinh viên có được kiến thức chuyên ngành mà còn giúp họ phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Để đánh giá thành tích của các sinh viên về các kỹ năng này, tất cả các khóa học đều

			được xây dựng các tiêu chí đánh giá tương ứng hoặc tiêu chí đánh giá phù hợp với PLOs; và các công cụ đánh giá này được công bố trước cho sinh viên. Giảng viên sẽ đánh giá sinh viên thông qua khả năng thuyết trình, trả lời câu hỏi, nội dung trình bày thông qua sự đánh giá giữa các thành viên trong nhóm với nhau
5	Thi trắc nghiệm	AM5	Sinh viên sẽ làm bài thi trắc nghiệm trên máy tính với các đề thi đã được thiết kế sẵn trong thời gian quy định
6	Thi tự luận	AM6	Sinh viên thi tập trung và được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập trong ngân hàng câu hỏi ôn tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài thi và thời gian thi được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
7	Thi thực hành	AM9	Sinh viên thực hiện thao tác thể hiện việc áp dụng các kỹ năng, kiến thức đã được học vào thực tế theo yêu cầu trong thời gian quy định. Thang điểm đánh giá là thang điểm 10 gắn với các tiêu chí đúng kỹ thuật, mức độ thuần thục, chính xác.
8	Báo cáo thực tập tổng hợp	AM7	Chương trình thực tập tổng hợp, sinh viên nộp báo cáo được chấm độc lập bởi 2 giảng viên ngẫu nhiên. Sinh viên còn nhận được đánh giá của đại diện doanh nghiệp cho quá trình thực tập tại đơn vị.
9	Khóa luận tốt nghiệp	AM8	Khóa luận tốt nghiệp là sản phẩm có hàm lượng khoa học, thực tiễn về một chủ đề chuyên sâu của chuyên ngành đào tạo được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên được phân công. Hội đồng đánh giá khóa luận cho điểm theo phiếu chấm quy định.

PHỤ LỤC 2
RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		0 điểm	0,5 – 2,9 điểm	3,0 – 4,9 điểm	5,0- 7,9 điểm	8,0 -10 điểm	
R1	<i>Dự lớp</i>	Vắng mặt trên lớp trên 40%	Vắng mặt trên lớp từ trên 30-40%	Vắng mặt trên lớp từ trên 20-30%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ 0-10%	0,6
	<i>Ý thức học tập trên lớp</i>	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm kỷ luật	Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm kỷ luật	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm kỷ luật	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm kỷ luật	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm kỷ luật	0,4

PHỤ LỤC 3
RUBRIC ĐỐI MỜI PHƯƠNG PHÁP

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)
R2	<i>Thảo luận nhóm</i>	Bài sơ sài, không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng; hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Trình bày rõ ràng, logic; Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải được rõ ràng	Trình bày rõ ràng, logic, phong phú; Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu	Trình bày rõ ràng, logic, phong phú, đẹp; Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu

PHỤ LỤC 4
RUBRIC BÁO CÁO THỰC TẬP TỔNG HỢP

Nội dung	Điểm tối đa	Điểm chấm	Ghi chú
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP	3.0		
1.1. Sự hình thành và phát triển của tổ chức/doanh nghiệp	0.5		
1.2. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của tổ chức/doanh nghiệp	0.5		
1.3. Lĩnh vực và đặc điểm hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp	0.5		
1.4. Khái quát về các nguồn lực chủ yếu của tổ chức/doanh nghiệp	1.0		
1.5. Một số kết quả hoạt động kinh doanh chủ yếu của đơn vị thực tập trong 3 năm gần đây	0.5		
II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN LỰC CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP	4.5		
2.1. Thực trạng bộ phận thực hiện chức năng quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp	1.0		
2.2. Ảnh hưởng của các nhân tố môi trường quản trị nhân lực tới hoạt động quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp	1.0		
2.3. Thực trạng hoạt động quản trị nhân lực của doanh nghiệp	2.5		
III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CẦN GIẢI QUYẾT CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN	1.5		
3.1. Đánh giá về thực trạng hoạt động/hoạt động kinh doanh, quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp	0.5		
3.2. Phương hướng hoạt động/hoạt động kinh doanh, quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp trong thời gian tới	0.5		
3.3. Định hướng đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp	0.5		
IV. Hình thức báo cáo	1.0		
Tổng điểm	10.0		

PHỤ LỤC 5
RUBRIC KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

STT	Tiêu chí	Thang điểm	Điểm chấm	Nhận xét
1	Mục tiêu đề tài	0.5		
2	Phương pháp nghiên cứu	1.5		
3	Nội dung khoa học	7.0		
4	Hình thức	1.0		
5	Điểm khóa luận	10		
6	<i>Điểm thưởng:</i> - Đề tài NCKH đăng ký yếu NCKHSV - Đề tài NCKH đạt giải từ cấp trường trở lên	0.5 1.0		
7	Tổng cộng			

Lưu ý: Chấm điểm chi tiết đến 0,1; điểm tổng làm tròn đến một chữ số thập phân và ngăn cách nhau bằng dấu chấm. Điểm tối đa của khóa luận (kể cả điểm thưởng nếu có) là 10 điểm.